



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 07 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân**
Laboratory: ***Institute for Nuclear Science and Technology***

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân**
Organization: ***Institute for Nuclear Science and Technology***

Số hiệu/ Code: **VILAS 670**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực
Field **Hóa**
Chemical

Người quản lý
Laboratory manager **Nguyễn Hữu Quyết**
Nguyễn Hữu Quyết

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Từ ngày /07/2025 đến ngày 17/03/2026.**

Địa chỉ / Address: **Số 179 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội**
N. 179 Hoàng Quoc Viet, Nghia Do ward, Hanoi city

Địa điểm / Location: **Số 179 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội**
N. 179 Hoàng Quoc Viet, Nghia Do ward, Hanoi city

Điện thoại/ Tel: **(+84) 243 756 4926**

E-mail: **Dvthangnb@gmail.com**

Website: **www.inst.gov.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION***VILAS 670****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Quặng đất hiếm <i>Ores of rare earth elements</i>	Xác định hàm lượng uran, thori và các nguyên tố đất hiếm Phương pháp khối phổ plasma cảm ứng (ICP – MS). <i>Determination of uranium, thorium and rare-earth elements content ICP-MS method</i>	Sc: 890 µg/kg Y: 809 µg/kg La: 139 µg/kg Ce: 185 µg/kg Pr: 203 µg/kg Nd: 159 µg/kg Sm: 125 µg/kg Eu: 132 µg/kg Gd: 213 µg/kg Tb: 230 µg/kg Dy: 97 µg/kg Ho: 202 µg/kg Er: 159 µg/kg Tm: 183 µg/kg Yb: 194 µg/kg Lu: 169 µg/kg Th: 76 µg/kg U: 200 µg/kg	TCVN 12886:2020 TCVN 12887:2020
2.	Nước sạch, nước ngầm, nước thải <i>Domestic water, groundwater, wastewater</i>	Đo tổng hoạt độ phóng xạ alpha Phương pháp nguồn dày <i>Measurement of gross alpha activity Thick source method</i>	Alpha: 0,009 Bq/L	TCVN 6053:2021
3.		Đo tổng hoạt độ phóng xạ beta Phương pháp nguồn dày <i>Measurement of gross beta activity Thick source method</i>	Beta: 0,02 Bq/L	TCVN 6219:2021

Chú thích /Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

Trường hợp Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Institute for Nuclear Science and Technology that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*